

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2017-2018

Khoa: Công nghệ Cơ khí

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Cao đẳng																					
Ngành: Cơ điện																					
1	15CD-CD1	51		9	42	0	0.00	3	5.88	22	43.14	25	49.02	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	
2	16CD-CD1	14		4	10	0	0.00	0	0.00	1	7.14	10	71.43	3	21.43	0	0.00	0	0.00	0	
CỘNG 02 Lớp		65	0	13	52	0	0.00	3	4.62	23	35.38	35	53.85	3	4.62	0	0.00	0	0.00	1	
Ngành: Cơ điện tử																					
1	15CD-CĐT1	51	1	11	40	0	0.00	0	0.00	24	47.06	25	49.02	1	1.96	0	0.00	0	0.00	1	
2	16CD-CĐT1	17		4	13	0	0.00	0	0.00	0	0.00	3	17.65	7	41.18	5	29.41	0	0.00	2	
CỘNG 02 Lớp		68	1	15	53	0	0.00	0	0.00	24	35.29	28	41.18	8	11.76	5	7.35	0	0.00	3	
Ngành: Kỹ thuật Bảo trì và sửa chữa máy CNC																					
1	16CD-CNC1	18		10	8	0	0.00	1	5.56	2	11.11	13	72.22	1	5.56	0	0.00	0	0.00	1	
CỘNG 01 Lớp		18	0	10	8	0	0.00	1	5.56	2	11.11	13	72.22	1	5.56	0	0.00	0	0.00	1	
Ngành: Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp																					
1	17CI-BCN1	37		5	32	0	0.00	0	0.00	2	5.41	17	45.95	13	35.14	0	0.00	0	0.00	5	
CỘNG 01 Lớp		37	0	5	32	0	0.00	0	0.00	2	5.41	17	45.95	13	35.14	0	0.00	0	0.00	5	
Ngành: Cắt gọt kim loại																					
1	17CI-CKL1	15		3	12	0	0.00	2	13.33	8	53.33	0	0.00	1	6.67	0	0.00	0	0.00	4	
CỘNG 01 Lớp		15	0	3	12	0	0.00	2	13.33	8	53.33	0	0.00	1	6.67	0	0.00	0	0.00	4	

S TT	LỚP	SỐ SỞ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí																					
1	17C1-CCK1	45	1	24	21	0	0.00	0	0.00	0	0.00	16	35.56	21	46.67	0	0.00	0	0.00	8	
2	17C1-CCK2	49	1	22	27	0	0.00	0	0.00	5	10.20	21	42.86	16	32.65	0	0.00	0	0.00	7	
3	17C1-CCK3	57		12	45	0	0.00	0	0.00	2	3.51	24	42.11	24	42.11	0	0.00	0	0.00	7	
4	17C1-CCK4	52	2	6	46	0	0.00	1	1.92	4	7.69	33	63.46	11	21.15	0	0.00	0	0.00	3	
5	17C1-CCK5	57		14	43	0	0.00	0	0.00	3	5.26	13	22.81	30	52.63	0	0.00	0	0.00	11	
6	17C1-CCK6	50		10	40	0	0.00	1	2.00	7	14.00	15	30.00	14	28.00	4	8.00	2	4.00	7	
7	17C1-CCK7	55		12	43	0	0.00	1	1.82	13	23.64	33	60.00	3	5.45	0	0.00	0	0.00	5	
8	17C1-CCK8	51		12	39	0	0.00	0	0.00	7	13.73	19	37.25	5	9.80	9	17.65	0	0.00	11	
9	17C1-CCK9	46		9	37	0	0.00	1	2.17	1	2.17	10	21.74	16	34.78	4	8.70	0	0.00	14	
10	17C2-CCK1	20		4	16	0	0.00	0	0.00	7	35.00	10	50.00	2	10.00	0	0.00	1	5.00	0	
CỘNG 09 Lớp		482	4	125	357	0	0.00	4	0.83	49	10.17	194	40.25	142	29.46	17	3.53	3	0.62	73	
Ngành: Công nghệ chế tạo máy																					
1	15CĐ-CTM1	46		9	37	0	0.00	0	0.00	8	17.39	15	32.61	19	41.30	0	0.00	0	0.00	4	
2	15CĐ-CTM2	42		11	31	0	0.00	1	2.38	5	11.90	24	57.14	11	26.19	1	2.38	0	0.00	0	
3	15CĐ-CTM3	52	1	15	37	0	0.00	0	0.00	6	11.54	31	59.62	11	21.15	4	7.69	0	0.00	0	
4	15CĐ-CTM4	50		12	38	1	2.00	5	10.00	8	16.00	26	52.00	4	8.00	3	6.00	0	0.00	3	
5	15CĐ-CTM5	42		11	31	1	2.38	1	2.38	5	11.90	18	42.86	12	28.57	1	2.38	0	0.00	4	
6	16CĐ-CTM1	63		24	39	0	0.00	0	0.00	1	1.59	8	12.70	34	53.97	8	12.70	1	1.59	11	
7	16CĐ-CTM2	42		11	31	0	0.00	0	0.00	2	4.76	5	11.90	26	61.90	7	16.67	0	0.00	2	
8	16CĐ-CTM3	58		13	45	2	3.45	0	0.00	4	6.90	31	53.45	10	17.24	0	0.00	0	0.00	11	
9	16CĐ-CTM4	61		22	39	0	0.00	0	0.00	12	19.67	31	50.82	14	22.95	1	1.64	0	0.00	3	
10	16CĐ-CTM5	57	1	26	31	0	0.00	4	7.02	6	10.53	21	36.84	14	24.56	12	21.05	0	0.00	0	
11	17C1-CTM1	45		11	34	0	0.00	0	0.00	5	11.11	14	31.11	18	40.00	0	0.00	0	0.00	8	
12	17C1-CTM2	47		8	39	0	0.00	0	0.00	1	2.13	21	44.68	8	17.02	4	8.51	0	0.00	13	
13	17C1-CTM3	28		11	17	0	0.00	0	0.00	0	0.00	6	21.43	16	57.14	0	0.00	0	0.00	6	
CỘNG 13 Lớp		633	2	184	449	4	0.63	11	1.74	63	9.95	251	39.65	197	31.12	41	6.48	1	0.16	65	

S TT	LỚP	SỈ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)				
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém						
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%					
Trung cấp																								
Ngành: Cắt gọt kim loại																								
1	15TCN-CKL	10		9	1	0	0.00	0	0.00	3	30.00	5	50.00	0	0.00	0	0.00	2	20.00	0				
2	16TCN-CKL	39	1	28	11	0	0.00	2	5.13	12	30.77	10	25.64	6	15.38	4	10.26	3	7.69	2				
3	17T4-CKL1	36		27	9	0	0.00	0	0.00	3	8.33	2	5.56	11	30.56	7	19.44	0	0.00	13				
CỘNG 03 IỚP		85	1	64	21	0	0.00	2	2.35	18	21.18	17	20.00	17	20.00	11	12.94	5	5.88	15				
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí																								
1	17T4-CCK1	52		42	10	0	0.00	0	0.00	1	1.92	15	28.85	14	26.92	7	13.46	0	0.00	15				
2	17T4-CCK2	48		36	12	0	0.00	0	0.00	4	8.33	13	27.08	22	45.83	5	10.42	0	0.00	4				
CỘNG 02 IỚP		100	0	78	22	0	0.00	0	0.00	5	5.00	28	28.00	36	36.00	12	12.00	0	0.00	19				
TỔNG CỘNG (34 LỚP)		1503	8	497	1006	4	0.27	23	1.53	194	12.91	583	38.79	418	27.81	86	5.72	9	0.60	186				

* Ghi chú: Tổng số HSSV = 1.503 HSSV. Trong đó có 186 HSSV không xếp loại. Lý do: Nghi học không đánh giá rèn luyện cá nhân

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Hoàng Ngọc Cảnh

Từ TB trở lên	1222	81.30
Yếu Kém	95	6.32
Không xếp loại	186	12.38

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh